

Bản án số: 14/2019/HS-PT

Ngày: 22 - 02 - 2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hương.

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Bình.

Ông Phan Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Vân –Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:
Ông Tạ Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 116/2018/TLPT-HS ngày 05 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo Hoàng Văn L và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2018/HS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Hoàng Văn L (Tên gọi khác: L Trợn), sinh ngày: 23/10/1998 tại huyện CMG, tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn MT, xã ID, huyện C, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng VH và bà Nguyễn TM, bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Mạc Văn N, sinh ngày 02/12/1998 tại huyện K, tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: Thôn MT, xã ID, huyện C, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mạc VC và bà Đinh TT; bị cáo hiện chung sống như vợ chồng với chị Rơ Lan HY nhưng không đăng ký kết hôn, có 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Bùi Văn T, sinh ngày 01/06/1998 tại huyện YT, tỉnh Hòa Bình; nơi cư trú: Thôn MT, xã ID, huyện C, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi VL và bà Bùi TN, bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4. Trần Văn Q, sinh ngày 23/12/1986 tại huyện TH, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn MT, xã ID, huyện C, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông;

trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H và bà Nguyễn TH, bị cáo có vợ tên Bùi Thị K, có 2 con lớn sinh năm 2014 nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, còn có bị cáo Lê ĐH và Đinh NV không có kháng cáo, không bị kháng nghị.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn Q: Bà Võ Thị Tuệ Minh - Luật sư của Văn phòng Luật sư Dương Thị Mỹ thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ: Tầng 6 số nhà 78 Bến Nghé, phường Phú Hội, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ ngày 19/3/2018, tại quán cà phê thuộc thôn MĐI, xã ID, huyện C, tỉnh Gia Lai thì Lê ĐH rủ Hoàng Văn L, Đinh NV, Mạc Văn N và Bùi Văn T đi trộm cắp tài sản, tất cả đồng ý. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, tất cả cùng đi về nhà của L và ngồi chơi ở trước cổng nhà, L vào nhà lấy một chiếc cờ lê và hai sợi dây cao su, còn Đinh NV về nhà lấy hai chiếc cờ lê đem đến nơi Lê ĐH đang chờ. Sau đó, Lê ĐH điều khiển một xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Siurius, xe không mang biển kiểm soát chờ N đi trước; Đinh NV điều khiển một xe mô tô nhãn hiệu Prety, màu xanh, BKS: 29S4-4874 chờ T và L đi sau. Khi cả nhóm đi đến gần khu vực nhà rẫy của bà Lê Thị S thuộc thôn MT, xã ID, huyện C, tỉnh Gia Lai, lúc này khoảng 00 giờ 30 phút ngày 20/3/2018, Lê ĐH cùng đồng bọn để xe mô tô ở bên ngoài đường cách nhà rẫy bà Lê Thị S khoảng 100m và đi bộ vào bên trong. Khi đi đến gần nhà rẫy thì Lê ĐH đi đến căn phòng sáng đèn đứng ở cửa ra vào để canh người đang ngủ ở bên trong, còn L, Đinh NV, N, T đi đến nhà kho ở bên cạnh, L đưa cho Đinh NV cờ lê để Đinh NV bẻ ổ khóa nhà kho. Sau khi Đinh NV phá được khóa nhà kho thì L, Đinh NV, N đi vào bên trong nhà kho, còn T đứng ở cửa nhà kho và sử dụng một chiếc điện thoại di động của N mở đèn pin để soi sáng cho đồng bọn trộm cắp tài sản. L, Đinh NV và N vào kho, mỗi người vác một bao hạt điều khô đem ra nơi để xe mô tô, sau đó L, Đinh NV quay lại mỗi người tiếp tục vác một bao hạt điều khô còn T, N mỗi người xách một nửa bao hạt điều khô, tất cả là 05 bao đầy và 02 nửa bao hạt điều khô. Sau khi trộm xong, Lê ĐH cùng đồng bọn sử dụng hai chiếc xe mô tô trên chở số tài sản trộm cắp được về cất giấu tại nhà kho của L.

Lúc này, Lê ĐH, N và T đi vào nhà của L đi ngủ, còn L sử dụng điện thoại di động của N gọi cho Trần Văn Q trú tại cùng thôn và nói “anh dậy em nhờ tí?”, Q nói “chờ tí anh dậy”, khi nghe Q nói như vậy thì L cùng Đinh NV đi sang nhà Q thì Q mở cửa, gặp Q, L nói “anh có mua hạt điều không?”, Q hỏi “điều ở đâu”, L trả lời “điều ở trong kia”, Q hỏi tiếp “ở xa không”, L trả lời “xa”. Nghe vậy, Q biết điều do Hoàng Văn L trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua. Hai bên thống nhất giá mua bán là 43.000 đồng/1 kg điều khô. Khi tiến

hành cân hạt điều thì có 01 bao bị rách bao đổ ra nên không cân mà áng chừng tổng số hạt điều là 382kg, L bớt cho Q 2kg còn lại 380kg với số tiền là 16.340.000 đồng, Q đưa cho L trước 10.000.000 đồng và hẹn đến sáng sẽ đưa hết số tiền còn lại. Sau khi lấy tiền thì L đưa trước cho Lê ĐH và N mỗi người 3.300.000 đồng. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày L và Đình NV đi qua nhà Q để lấy số tiền còn lại thì Q nói “vì bao hạt điều hôm qua bị rách không cân được nên đến sáng Q cân lại thì bị thiếu mất 20kg”, Q tính lại giá cho L là 43.500 đồng/1kg điều khô. Q đưa tiếp cho L 5.660.000 đồng. Khi lấy được tiền thì L chia cho T 3.300.000 đồng, Đình NV được chia 2.800.000 đồng, còn L được 2.960.000 đồng.

Ngày 20/3/2018, bà Lê Thị S đã làm đơn trình báo đến Cơ quan điều tra Công an huyện C. Cơ quan Công an đã xác định được tất cả các bị cáo có tên nêu trên đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bà Lê Thị S và tiến hành thu giữ tại nhà của Trần Văn Q tổng số 360kg hạt điều khô.

Tại kết luận định giá tài sản số 18 ngày 23/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện C, kết luận: Giá trị của 360kg hạt điều khô tại thời điểm Lê ĐH cùng đồng bọn thực hiện hành vi trộm cắp là 18.360.000đ đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 20/2018/HS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn L (L Trợn), Bùi Văn T, Mạc Văn N phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo Trần Văn Q phạm tội “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điều 38,50; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn L, Bùi Văn T, Mạc Văn N: Mỗi bị cáo 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án..

Áp dụng Khoản 1 Điều 323; Điều 38, 50; Điểm i Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, xử phạt Trần Văn Q 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên bố tội danh, hình phạt đối với các bị cáo Lê ĐH và Đình NV; tuyên xử lý vật chứng, nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/9/2018, các bị cáo Hoàng Văn L, Bùi Văn T, Mạc Văn N và Trần Văn Q có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn Q đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm quy định tại các điểm g, h, i, s, x của khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo, cho bị

cáo Q được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Hoàng Văn L, Bùi Văn T và Mạc Văn N đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với chính lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, lời khai của các đồng phạm khác, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ được, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ để kết luận: Vào khoảng 00 giờ 30 phút ngày 20/3/2018, Hoàng Văn L, Mạc Văn N, Bùi Văn T cùng đồng bọn là Lê ĐH, Đinh NV đã lén lút bẻ khóa nhà kho của bà Lê Thị S, vác trộm tổng cộng là 360kg hạt điều khô, sau đó bán cho Trần Văn Q được 15.660.000 đồng, theo kết luận định giá tài sản số: 18/KL-ĐG ngày 23/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, kết luận: Số tài sản mà các bị cáo trộm cắp (360kg hạt điều khô) trị giá 18.360.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện C xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Hoàng Văn L, Bùi Văn T, Mạc Văn N, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Các bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; bản thân các bị cáo biết việc chiếm đoạt trái phép tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì lười lao động nên các bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của bà Lê Thị S để lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Đây vụ án đồng phạm mang tính chất giản đơn, Lê ĐH là người khởi xướng và rủ rê, lôi kéo các bị cáo L, T, N và Đinh NV cùng thực hiện hành vi phạm tội. Khi được Lê ĐH rủ đi trộm cắp tài sản các bị cáo L, T, N không những không can ngăn mà đồng ý ngay, tích cực tham gia thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự công cộng tại địa phương nên cần phải xử phạt nghiêm minh để cải tạo giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, phân hóa vai trò của từng bị cáo; áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và xử phạt các bị cáo Hoàng Văn L, Bùi Văn T, Mạc Văn N mỗi bị cáo 6 tháng tù là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo T, N không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới; bị cáo L cung cấp cho Tòa án đơn xin xác nhận hoàn cảnh gia đình, tuy nhiên đây không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hơn nữa, như đã nhận định nêu trên thì mức án mà Tòa

án cấp sơ thẩm xử phạt đối với các bị cáo là đã phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Do đó, kháng cáo của các bị cáo không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Trần Văn Q, hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Q thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Bị cáo biết 360kg hạt điều khô mà bị cáo L cùng đồng bọn đem bán là do trộm cắp mà có nhưng vì hám lợi nên bị cáo đã đồng ý mua. Hành vi phạm tội của bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện C xét xử về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo không thành khẩn khai báo, không thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, thể hiện sự ăn năn, hối cải với hành vi phạm tội của mình và kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 mà Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ áp dụng cho bị cáo.

Cũng tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giao nộp cho Tòa án cấp phúc thẩm Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; đơn xin xác nhận bị cáo có ông nội là người có công với cách mạng; người bào chữa cho bị cáo Q nêu các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm g, h, i, s, x của khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, việc người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm g, h, i, x đối với bị cáo là không có căn cứ, mức án 6 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, việc bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù trong trường hợp này là cần thiết, vừa có tác dụng giáo dục cải tạo đối với bản thân bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Do đó, kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận.

[4] Từ những đánh giá và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hoàng Văn L, Bùi Văn T, Mạc Văn N và Trần Văn Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

Vì kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 135, 136, điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hoàng Văn L (L Trọn), Bùi Văn T, Mạc Văn N và Trần Văn Q; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 20/2018/HS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai.

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điều 38, 50; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, 58 của Bộ luật hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn L (L Trọn), Bùi Văn T, Mạc Văn N: Mỗi bị cáo 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

Áp dụng Khoản 1 Điều 323; Điều 38, 50; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Q 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Buộc các bị cáo Hoàng Văn L (L Trọn), Bùi Văn T, Mạc Văn N và Trần Văn Q, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND huyện C;
- VKSND huyện C;
- Công an huyện C;
- Chi cục THADS C;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ vụ án, THS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Xuân Hương